TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HS-ST
Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương;
2. Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-HS ngày 22/01/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Tháp. Căn cước công dân số 087091015612. Nơi thường trú: Ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Nhà trọ Vũ Thị T1, tổ A, khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: công nhân; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên Trần Thị Ngọc T2; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Vi Thanh D, sinh năm 2001; địa chỉ thường trú: Thôn B, xã C, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện tại: Số C, đường D, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/9/2025, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số 66N1-414.32 đến Công ty TNHH S (viết tắt là Công ty S), địa chỉ: lô D, D2, D3, D4, D5 khu công nghiệp P, phường

B, Thành phố Hồ Chí Minh, rồi gửi xe mô tô vào nhà xe để làm việc như hàng ngày. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên khi T đi trong khu vực nhà xe của Công ty thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 47K1-383.38 của bà Vi Thanh D, sinh năm 2001, nơi thường trú: thôn B, xã C, tỉnh Đắk Lắk, đang để trong nhà xe và cốp xe không có khóa nên T nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trong cốp xe của bà D. Thực hiện ý định, Tòn quan sát xung quanh không có người nên đi đến xe mô tô của bà D rồi dùng tay mở cốp xe phát hiện bên trong có 01 (một) điện thoại di động và 01 (một) ví da nên T đã lấy ví da lên mở ra kiểm tra thì thấy bên trong ví có tổng cộng 05 (năm) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng và giấy tờ tùy thân. Lúc này, T lấy 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (tổng là 2.500.000 đồng) bỏ vào túi quần bên phải của T và để ví da lại vào bên trong cốp xe mô tô của bà D rồi đóng cốp xe lại. Sau khi lấy trộm được tiền của bà D thì T đem số tiền trên cất vào trong cốp xe mô tô biển số 66N1-414.32 của T rồi tiếp tục đi vào Công ty S làm việc bình thường. Đến khoảng 06 giờ ngày 10/9/2025, sau khi tan ca làm việc, T đi ra khu vực nhà xe lấy xe mô tô biển số 66N1-414.32 chạy về nhà và nghĩ làm việc tại Công ty S. Bà Vi Thanh D sau khi phát hiện bị lấy trộm tiền trong ví da, bà D đã đến Đồn Công an Khu công nghiệp Kim Huy trình báo sự việc. Đến ngày 01/10/2025, Nguyễn Văn T đã đến Đồn Công an Khu công nghiệp Kim Huy đầu thú và giao nộp lại số tiền 2.500.000 đồng đã chiếm đoạt của bà D. Sau đó, Đ Công an Khu Công nghiệp Kim Huy chuyển giao hồ sơ vụ việc, vật chứng thu giữ và Nguyễn Văn T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền 2.500.000đồng; 01 (một) USB màu trắng chứa dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn T lấy trộm tiền của bà Vi Thanh D tại khu vực nhà xe Công ty TNHH S.

Ngày 02/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã giao trả cho bà Vi Thanh D số tiền 2.500.000đồng. Hiện bà Vi Thanh D không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh, biển số 66N1-414.32 mà Nguyễn Văn T sử dụng để cất giữ số tiền chiếm đoạt do bà Trần Thị Ngọc T2 (sinh năm 1990, nơi thường trú: tại ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp) là vợ của T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 09/9/2025, T sử dụng xe mô tô trên để cất giữ số tiền chiếm đoạt, bà T2 không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không thu giữ xe mô tô nói trên.

Cáo trạng số 66/CT-VKSKV15 ngày 02/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, đề

nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Đối với 01 (một) USB màu trắng chứa dữ liệu ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn T lấy trộm tiền của bà Vi Thanh D tại khu vực nhà xe Công ty S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H niêm phong vào bì thư đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án (bút lục số 18).

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo, lao động, lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/9/2025, tại Công ty TNHH S, địa chỉ: Lô D, D2, D3, D4, D5 khu công nghiệp P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của bị hại Vi Thanh D nhằm tiêu xài cá nhân. Hành vi của Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, để có tác dụng giáo dục ý thức pháp luật đối với bị cáo và đấu tranh phòng chống

tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Văn D1, bà ngoại là bà Nguyễn Thị P được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T có nơi cư trú rõ ràng (bị cáo hiện đang tạm trú tại Nhà trọ Vũ Thị T1, tổ A, khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản thiệt hại không lớn, do đó việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 2, Điều 4, Điều 6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ- ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T về Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PV06);
- VKSND khu vực 15, Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND P. Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh
-THADS Tp. Hồ Chí Minh (Phòng THADS khu vực 15, Tp. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Duy Nhân